

# **VẤN ĐỀ CÔNG BẰNG TRONG NHÀ NƯỚC LÝ TƯỞNG CỦA PLATON QUA TÁC PHẨM *CỘNG HÒA***

**Trần Bá Hiệp<sup>(\*)</sup>**

<sup>(\*)</sup> Thạc sĩ, Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Lao động xã hội (cơ sở 2).

Email: [hieptb@ldxh.edu.vn](mailto:hieptb@ldxh.edu.vn)

**Trần Hồng Lưu<sup>(\*)</sup>**

<sup>(\*)</sup> Tiến sĩ, Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Email: [hongluu2009@gmail.com](mailto:hongluu2009@gmail.com)

**Tóm tắt:** Lịch sử tư tưởng thế giới, cho thấy, đến nay, công bằng vẫn là đề tài tranh luận trong lịch sử nhân loại. Hơn nữa đây còn là vấn đề trung tâm, cốt lõi của chính trị nổi bật qua mỗi thời kỳ lịch sử. Công bằng là lý tưởng hướng tới của mỗi quốc gia, dân tộc nhằm đạt đến sự yên bình cho thế giới. Đây vẫn là nan đề xuyên suốt các thời đại, làm lao tâm khổ tứ các nguyên thủ quốc gia từ xưa đến nay. Bằng phương pháp phân tích và tổng hợp, logic và lịch sử và quan điểm duy vật biện chứng, qua tác phẩm *Cộng hòa*, bài viết làm nổi bật vấn đề công bằng của Platon trong vương quốc lý tưởng của mình, từ đó đưa ra một số gợi mở sau khi gạt bỏ những hạn chế lịch sử của tác phẩm này.

**Từ khóa:** Platon, công bằng, nhà nước, lý tưởng.

*Ngày nhận bài: 13/01/2025; ngày phản biện: 15/01/2025; ngày sửa chữa: 11/03/2025; ngày duyệt đăng: 23/06/2025.*

## **1. Đặt vấn đề**

Công bằng bao giờ cũng là mục đích hướng tới của các quốc gia nếu muốn có sự tồn tại lâu dài và sự ủng hộ của các công dân. Và, mỗi thời kỳ lịch sử lại có sự luận giải vấn đề một cách khác nhau với nội hàm mới, cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Hơn 2.400 năm trước đây, với nhãn quan của một triết gia, thông qua hình thức đối thoại với người thầy của mình

là Socrat, Platon đã mô tả vấn đề công bằng một cách khá rõ nét qua tác phẩm *Politeia* - “*Cộng hòa*”. Đây là tác phẩm nổi tiếng nhất của Platon và đồng thời là một trong những tác phẩm có ảnh hưởng lớn trong lịch sử tư tưởng phương Tây, từ thời cổ đại cho đến hiện đại. Không phải ngẫu nhiên mà ở thế kỷ XX, nhà triết học người Mỹ R.W.Emerson đã phải thốt lên rằng: “người ta có thể đốt tất cả các thư viện, vì tinh hoa của các

thư viện đều đã nằm trong cuốn sách này” (W.Durant 2000: 29).

## **2. Về khái niệm công bằng**

Khái niệm công bằng được dịch ra tiếng Anh là justness, righteousness (sự đúng đắn, chân chính, chính trực), hoặc justice (công bằng, công lý, chân lý). Khi dịch ra tiếng Việt phải tùy ngữ cảnh cụ thể mới cho ra cách hiểu đúng nghĩa nhất. Chẳng hạn, khi nói về phẩm chất cá nhân, khái niệm này thường được hiểu là sự đúng đắn, chân chính, chính trực, tương đồng với khái niệm “chính” trong tư tưởng của Khổng Tử và Hồ Chí Minh, thể hiện qua các phẩm chất như: cần, kiệm, liêm, chính. Khi bàn đến xã hội, khái niệm này được hiểu là sự công bằng; khi bàn về nhà nước và pháp luật, khái niệm này được hiểu là công lý, chân lý. Thông qua bản dịch tác phẩm *Cộng hòa* của dịch giả Đỗ Khánh Hoan, có thể thấy, Platon sử dụng khái niệm công bằng để diễn giải cụm từ “xã hội là công bằng chính trực” hay “công chính”. Ông cho rằng: “chữ này bao hàm toàn diện đạo đức cá nhân ... Công bằng là tổng số đức tính cần có để sống trong cộng đồng. Chữ này bao gồm đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội... cả đạo đức lẫn chính trị” (Platon 2013: 62).

Như vậy, trong quan niệm của Platon, công bằng chính trực không chỉ là một phẩm chất đạo đức và điều kiện thiết yếu để đạt tới hạnh phúc cá nhân, mà còn là mục đích tối hậu của xã hội. Công bằng đồng thời cũng là phẩm tính và mục tiêu cơ bản nhất của nhà nước lý tưởng. Chính vì vậy, *công bằng được*

*Platon xem là khái niệm trung tâm, cốt lõi và là nền tảng xuất phát cho toàn bộ học thuyết về nền Cộng hòa lý tưởng của ông.*

Thông qua các đối thoại với Socrat, trong tư tưởng của Platon, khái niệm công bằng được hiểu trên cả hai phương diện cá nhân và xã hội. Theo ông, công bằng trong xã hội phải bắt nguồn từ sự công bằng chính trực trong tâm hồn của cá nhân, đặc biệt là những người lãnh đạo đất nước. Chỉ khi người lãnh đạo có tâm hồn chân chính, họ mới có thể lãnh đạo và quản lý xã hội một cách hoàn mỹ nhất.

Về sau, Aristoteles, học trò của Platon, đã kế thừa và bổ sung tư tưởng của thầy mình trong tác phẩm *Chính trị luận* nổi tiếng. Ông khẳng định, khi xây dựng “quốc gia hiện hữu là nhằm đạt đến một đời sống tốt đẹp, đó là đời sống mà con người, công dân có thể chia sẻ với nhau sự hạnh phúc hay sống một đời sống có sự tự do lựa chọn” (Aristoteles 1996: 172). Theo Aristoteles, “mục đích tối hậu của quốc gia là nhằm đạt tới một đời sống tốt đẹp và các định chế xã hội chỉ là phương tiện để đạt mục đích này”, đích đến cuối cùng mà “chính trị phải hướng tới là công lý và công lý bao gồm những gì tạo ra lợi ích chung” (Aristoteles 2008: 175). Hơn thế, theo Platon, người có tâm hồn chân chính phải có một tâm trí đúng đắn, phải có sự hài hòa giữa ba phần lý trí, tình cảm và ham muốn. Một tâm hồn công bằng, chính trực là một tâm hồn trong đó lý trí nắm vai trò chỉ huy, tình thần đứng

về phía lý trí để đấu tranh kiềm chế phần ham muốn vật chất. Một tâm hồn hài hòa là sự kết hợp của những phẩm chất: Thông thái, Dũng cảm, Điều độ và Công chính.

Trong *Cộng hòa*, thông qua cuộc đối thoại với Socrat, Platon đã mô tả cuộc thảo luận về khái niệm công chính, với nhiều cách hiểu khác nhau để đi đến thống nhất. Trong phần I, ông bắt đầu bằng định nghĩa về công chính: công bằng chính trực chính là “nói đúng sự thật và hãy trả lại những gì mình mượn của người khác” (Platon 2013: 71). Tuy nhiên, Platon cũng nêu ra nhận định: “nếu sự thật và trả lại bất kể cái gì mượn của người khác thì không phải là định nghĩa của cư xử phải lẽ” (Platon 2013: 75). Ông lý luận rằng, nếu tôi mượn vũ khí của một người, nhưng sau đó anh ta đột nhiên trở nên hung dữ, thì liệu rằng việc trả lại vũ khí cho anh ta trong hoàn cảnh đó có còn là hành vi đúng đắn không? Và, ông đặt ra câu hỏi: “như vậy, tôi cũng phải trả lại bất kể cái gì thuộc về kẻ thù?” (Platon 2013: 78-79). Thông qua những câu hỏi này, có thể thấy được hàm ý câu trả lời của ông.

Một định nghĩa khác về công bằng chính trực cũng được đưa ra bàn luận, rằng: “công bằng chính trực là làm điều tốt cho bạn bè và làm điều hại cho kẻ thù” (Platon 2013: 80). Platon coi đây là cách hiểu thông thường, nhưng nghĩ kỹ sẽ có không ít rắc rối bởi nhiều câu hỏi được đặt ra: thế nào là bạn và thế nào là thù? Liệu một người bạn có thể làm điều xấu hay không, và nếu có, người

bạn đó có bị trừng phạt hay không? Như thế, nếu giúp bạn làm điều xấu thì hành động đó có còn được xem là công bằng không? Và, việc làm hại cho kẻ thù có phải là công bằng không? Theo ông, *người công bằng chính trực không làm điều bất chính cho người khác, kể cả đối với kẻ thù của mình.*

Công chính, tức công bằng chính trực, theo Platon, phải là phẩm chất trung tính, không mang tính phân biệt giai cấp. Quan niệm này cho thấy sự mạnh mẽ của tư tưởng về tính khách quan của chân lý. Ông lập luận rằng, chức năng của “nhiệt” không thể làm cho vật trở nên lạnh, vì đó là chức năng đối lập với bản chất của nó. Tương tự, việc làm hại người khác không phải là chức năng của người tử tế, mà là chức năng của kẻ vô đạo đức. Như thế, *người công bằng chính trực, công chính phải là người tử tế, có đạo đức trong sáng, không thiên lệch*: “chức năng của người công bằng chính trực không phải là làm hại thân hữu hay bất kỳ ai, vì đó là chức năng của kẻ đối lập, kẻ bất công, bất chính”. Từ đó, ông khẳng định: “tôi thấy làm hại bất kỳ ai, bất kể lúc nào không bao giờ có thể là điều đúng được” (Platon 2013: 88-89).

Ở các tranh luận tiếp theo, qua đối thoại với Socrat, Platon đã chứng minh, chỉ có người công bằng chính trực mới có khả năng đoàn kết mọi người, kẻ bất chính chỉ có thể gây ra chia rẽ. Từ đó, ông chỉ ra rằng: *chỉ có người công bằng chính trực mới có khả năng thực hiện công lý và tạo lập một xã hội công bằng,*

nhờ có công bằng chính trực mới có thể “tạo dựng đoàn kết vì mục đích, thống nhất về tình cảm giữa họ với nhau”, còn “bất công, bất chính sẽ khiến họ cãi lộn, ghét bỏ lẫn nhau, họ sẽ thù hận không những chính họ mà cả người công bằng chính trực nữa” (Platon 2013: 129).

Platon khẳng định cái đối lập với công bằng là “bất công, bất chính sẽ có hậu quả sau đây: dù có xuất hiện trong thành quốc, thị tộc, quân đội hay bất kể cái gì, trước hết nó sẽ khiến cho thực thể đó không thể hợp tác hành động, vì phân chia, cãi lộn, sau đó đưa tới mâu thuẫn với chính nó và bất hòa với công bằng chính trực hoặc bất kể cái gì là công bằng chính trực” (Platon 2013: 129-130). Hơn thế, việc “xuất hiện trong cá nhân riêng biệt, nó cũng sinh ra hậu quả tương tự, hậu quả cố hữu nó phải có. Trước hết nó khiến cá nhân không thể hành động, vì bất hảo bên trong, phân ly nội tại, tiếp đến do sản sinh thù nghịch nội tại, nó sẽ sinh sản thù nghịch giữa nó với người công bằng chính trực” (Platon 2013: 130).

### **3. Đặc trưng biểu hiện sự công bằng trong nhà nước lý tưởng theo quan niệm của Platon**

Ở phần II của tác phẩm *Cộng hòa*, Platon chỉ ra rằng, công bằng chính trực được hiểu ở phạm vi lớn hơn, đó là phạm vi thành quốc, chứ không chỉ giới hạn ở cấp độ cá nhân ngay từ khởi đầu. Đây chính là cơ sở cho việc hoạch định, xây dựng mô hình nhà nước lý tưởng của ông. Mọi ý tưởng về xây dựng xã hội công bằng của Platon được khái

quát và thể hiện tập trung trong mô hình “quốc gia lý tưởng” (Platon 2013: 141).

Theo Platon, “quốc gia lý tưởng” là một quốc gia trong đó mọi người được sống êm đềm, hạnh phúc, mọi người được thỏa mãn với những gì họ tạo ra một cách đầy đủ... Đó là một xã hội mà trong đó “người ta sẽ sản xuất lúa, rượu, áo quần, giày dép, nhà cửa. Họ sẽ làm việc lưng trần trong mùa hạ và mang áo ấm trong mùa đông. Họ tự nuôi sống bằng lúa mì, xay bột, bánh nướng, họ ngồi ăn trên chiếu hoặc trên lá, ngã lưng vào giường hoặc thân cây. Họ ăn uống với gia đình, uống rượu do họ làm lấy, mang những vòng hoa trên đầu, hát những điệu ca tụng thần linh, sống trong hòa nhã êm ái không để cho nhân khẩu vượt quá phương tiện sinh nhai vì họ biết lo xa, sợ nghèo đói và chiến tranh...” (Dẫn theo: W.Durant 2000: 34).

Đó chính là hình mẫu của một xã hội lý tưởng mà Platon theo đuổi. Trong nhà nước ấy, mọi người phải thực hiện đầy đủ các chức trách và nhiệm vụ được giao ứng với địa vị của mình đã được phân định một cách hợp lý. Chỉ khi các giai tầng xã hội thực hiện đúng nghĩa vụ của mình thì xã hội mới có thể đạt đến công bằng, hạnh phúc và an vui. Trong xã hội lý tưởng đó, tất cả mọi người đều phải học hành đầy đủ để có tri thức, hiểu biết. Giáo dục không chỉ cung cấp tri thức, mà hơn thế còn để hướng con người đến với Chân, Thiện, Mỹ. Bởi vì, trong quan niệm của Platon, *tri thức phải gắn với cái thiện, cái chính*

nghĩa, công bằng, chân thật và do đó phải gắn liền với đạo đức xã hội. Không thể có cái thiện, cái công bằng, đạo đức nào lại gắn với cái giả dối, bất công. Vì thế, trong nhà nước lý tưởng của Platon, người đứng đầu nhà nước phải là quân vương - Triết gia, người có trí tuệ thông thái và sẵn sàng hy sinh vì việc nghĩa, vì lý tưởng. Mục đích tối hậu của các nền chính trị là tạo ra công lý, tức những gì mang lại lợi ích chung, là sự công bằng. Nhà lãnh đạo, ngoài sự thông thái, dũng cảm, còn phải có đức hạnh (Chân, Thiện, Mỹ), nếu thiếu một trong ba phẩm chất trên thì khó có thể lãnh đạo đất nước phát triển một cách bền vững. Quan niệm này được Aristoteles, học trò của Platon, tiếp nối và phát triển. Aristoteles cho rằng, phẩm chất đức hạnh chính là “số trung bình cộng hay trung dung, thì đời sống trung dung và có số trung bình mà ai cũng có thể đạt được, phải là đời sống tốt đẹp nhất” (Aristoteles 2008: 182). Trên cơ sở đó, Aristoteles nhấn mạnh rằng, trong một quốc gia thực sự, đạo đức phải giữ vai trò trung tâm. Ông viết: “để xứng đáng được gọi là một nước thì nước đó phải đặc biệt quan tâm đến đạo đức. Không có mục tiêu phát huy đức hạnh thì sự kết hợp chính trị chỉ là liên minh của những phần tử sống cách xa nhau” và nếu như luật pháp thiếu nền tảng đạo đức thì như thế có nghĩa là nó không theo đúng “những quy luật của cuộc sống để cho dân trở thành người tốt và công chính” (Aristoteles 2008: 173). Hơn thế, “nếu của cải và tự do là những điều kiện cần

cho sự xuất hiện của một nước thì công lý và lòng dũng cảm cũng là những điều kiện cần thiết. Hai điều kiện đầu cần thiết cho sự hiện hữu của một nước, hai điều kiện sau tạo nên đời sống tốt đẹp của đất nước” (Aristoteles 2008: 185).

Một xã hội công bằng, theo Platon, là xã hội trong đó mọi hình thức chiến tranh, cả nội chiến lẫn ngoại chiến, đều bị loại trừ. *Các quan chức lãnh đạo nhất thiết phải là các triết gia, vì chỉ họ mới có đủ sự thông tuệ, sáng suốt để lãnh đạo đất nước một cách đúng đắn và phù hợp với chính nghĩa.* Theo Platon, chỉ các triết gia thông tuệ mới dám hy sinh vì lý tưởng, không tham nhũng, không tư lợi. Đó cũng là một xã hội không có tư hữu về tư liệu sản xuất; của cải làm ra được phân phối công bằng cho toàn xã hội, đảm bảo không ai quá giàu hay quá nghèo. Rõ ràng, đây chính là hình mẫu xã hội quý tộc dân chủ mà Platon hướng đến. Theo Platon, một quốc gia lý tưởng chỉ có thể đạt được khi được dẫn dắt bởi một nền lãnh đạo sáng suốt, luôn hướng thiện và lấy công bằng làm nền tảng. Ở đây, cái thiện không chỉ là một phẩm chất đạo đức, mà còn bao hàm trong nhiều lĩnh vực sinh hoạt của con người. Cái thiện thể hiện trong việc kiến tạo lợi ích chung, đảm bảo tự do và bình đẳng cho mọi công dân, đề cao phẩm giá và đức hạnh.

Để xác lập nhận thức về việc xây dựng một xã hội lý tưởng do tầng lớp quý tộc dân chủ lãnh đạo, Platon đã tiến hành phê phán các mô hình thể chế khác nhằm chỉ ra những ưu điểm và nhược

điểm của chúng. Theo Platon, chỉ chế độ quý tộc dân chủ, trong đó người đứng đầu là nhà triết học thông minh, hiểu rộng, biết hy sinh vì nghĩa lớn, mới có thể mang lại sự công bằng cho toàn xã hội.

Trong mô hình nhà nước lý tưởng, theo Platon, mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển tài năng mà không bị ràng buộc bởi chế độ thế tập, hay truyền thừa theo huyết thống. Ông cho rằng, một nhà nước công bằng là một nhà nước có sự phối hợp hài hòa giữa ba đẳng cấp và tương ứng đảm nhận 3 chức năng xã hội cơ bản: đẳng cấp cầm quyền, bảo vệ (Rulers hay Guardians), đẳng cấp vệ binh (Auxiliaries) và đẳng cấp người sản xuất (Producers). Trong đó, nhà triết học thuộc về đẳng cấp cầm quyền và giữ vai trò lãnh đạo nhà nước, hai đẳng cấp còn lại có nhiệm vụ bảo vệ xã hội khỏi các mối đe dọa từ bên ngoài và đảm nhiệm hoạt động lao động sản xuất vật chất để nuôi sống xã hội.

Một quốc gia lý tưởng, trong sáng, không vị lợi cá nhân như mô hình mà Platon xây dựng, vì sao chưa từng được thực thi trong lịch sử nhân loại? Lý giải về điều này, Platon cho rằng nguyên nhân sâu xa là do trong mỗi quốc gia, tư tưởng chính trị và xã hội vốn chứa đựng nhiều mâu thuẫn và bất ổn, khiến cho việc thiết lập một trật tự lý tưởng trở nên bất khả thi. Những mâu thuẫn này, theo Platon, là do “những biến chất diễn ra vì các nhà cầm quyền có nhiều hướng quan tâm nhiều hơn đến bản thân và đến lợi ích vị kỷ của mình, chứ không phải

đến lợi ích của công dân. Nhân tố làm biến chất cũng là tự do thái quá, tự do này tất yếu kéo theo thói mị dân là cái làm hủy hoại đạo đức” (Đỗ Minh Hợp và cộng sự 2006: 148).

Từ những nguyên nhân nêu trên, Platon cho rằng, những hình ảnh tốt đẹp ban đầu của xã hội lý tưởng sẽ mất dần đi và quá trình loại bỏ nó là tất yếu để dẫn đến sự cải biến mới. Khi phân tích sâu hơn các nguyên nhân chung, Platon còn chỉ ra cụ thể các tác hại của các chế độ chính trị hiện thời. Một trong những hệ quả tiêu cực là xu hướng tự cô lập và tập trung quyền lực vào một giai cấp nhất định, điều này dẫn đến sự xa rời quần chúng và dần mất lòng dân. Còn đối với chế độ dân chủ, Platon bày tỏ quan điểm phê phán khá rõ, cho rằng vì quá dân chủ nên cũng dễ rơi vào tình trạng tự hủy hoại mình, thiếu định hướng rõ ràng và dễ bị chi phối bởi dư luận. Platon có thái độ tiêu cực đối với chế độ dân chủ, nhận định rằng: “mới xem qua thì nó (tức chế độ dân chủ) là một lý tưởng quá tốt đẹp, nhưng thực ra nó trở nên vô cùng nguy hiểm vì dân chúng không được giáo dục để có thể lựa chọn người tài giỏi ra cầm quyền và ấn định đường lối thích hợp... để cho dân chúng cầm quyền không khác gì cho con thuyền quốc gia vượt qua vùng bão tố, miệng lưỡi của bọn chính trị gia làm nước nổi sóng và lật hướng đi của con thuyền. Không chóng thì chầy một chính thể như vậy sẽ đi vào con đường độc tài” (Dẫn theo: W. Durant 2000: 37).

Bảo vệ cho lập luận của mình, Platon đưa ra các viện dẫn hết sức thuyết phục và không kém phần sống động. Ông lập luận rằng: khi đóng giày, người ta phải biết lựa chọn thợ lành nghề, chuyên nghiệp về lĩnh vực đó; khi bị bệnh, cần tìm đến các bác sĩ giỏi, chứ không bao giờ tìm đến các vị lương y đẹp trai hay có tài ăn nói. Thế thì tại sao không chọn những vị minh triết, khôn ngoan, hiểu biết và đức hạnh và loại bỏ những kẻ ngu dốt, bịp bợm trong việc trị nước?

*Tóm lại, công bằng trong nhà nước lý tưởng của Platon cần phải hiểu đúng nghĩa theo từng trường hợp cụ thể cho từng đối tượng. Công bằng, theo ông, phải gắn liền với điều kiện khách quan, không vụ lợi cho cá nhân hay giai cấp nào. Trong đó, người công bằng, chính trực không làm điều bất chính cho người khác, kể cả đối với kẻ thù của mình; người công bằng chính trực, công chính phải là người tử tế, có đạo đức trong sáng, không thiên lệch. Người công bằng chính trực phải có tri thức, vì tri thức gắn liền với cái thiện, cái chính nghĩa, công bằng, chân thật và như thế gắn với nền tảng đạo đức của xã hội, gắn với Chân – Thiện – Mỹ. Trong nhà nước đó, các quan chức lãnh đạo nhất thiết phải là các triết gia, vì chỉ họ mới có đủ sự thông tuệ, sáng suốt để lãnh đạo đúng đắn theo chính nghĩa.*

#### **4. Nguyên nhân và các điều kiện đảm bảo sự công bằng**

Về nguyên nhân kinh tế, Platon chỉ rõ: con người luôn bị chi phối bởi sự tham lam và nhục dục ích kỉ. Họ không

cam chịu với những gì mình đang có, mà luôn khao khát chiếm lĩnh những cái mà họ chưa có. Lòng tham muốn vô hạn và không khi nào được thỏa mãn ấy là nguồn gốc dẫn đến những hệ quả bi thảm như chiến tranh, giết chóc, cướp giết, xâm chiếm đất đai... Platon không chỉ dừng ở đó, mà còn đi xa hơn khi chỉ ra rằng nguyên nhân kinh tế có tác động sâu sắc đến nền chính trị và quốc gia. Ông chỉ rõ: “những việc thay đổi trong phân phối lợi tức gây nên những sự thay đổi về mặt chính trị: khi lợi tức của bọn thương gia vượt quá lợi tức của bọn địa chủ, chính thể phú nông nhường chỗ cho chính thể phú thương” (Dẫn theo: W. Durant 2000: 36).

Tiến trình lịch sử nhân loại cho thấy rằng sự thay đổi trong kinh tế, dù sớm hay muộn, sẽ kéo theo sự phát sinh của các giai tầng mới. Qua đó cho thấy, một nhà nước có thể tồn tại nhiều giai cấp, nhưng thực chất của sự phân biệt đó chủ yếu là sự phân biệt về kinh tế: giữa giàu và nghèo, giữa các lợi ích giai cấp đối lập nhau. Trong một quốc gia, giữa người giàu và người nghèo luôn tiềm ẩn nguy cơ xung đột và đó chính là ngọn nguồn cho mọi bất ổn trong xã hội có giai cấp.

Từ nguyên nhân kinh tế mang tính cốt lõi này, Platon đi đến phân tích các điều kiện cần thiết để đảm bảo sự công bằng trong xã hội, cụ thể như sau:

Về mặt xã hội, như đã biết, trong mô hình nhà nước lý tưởng, Platon phân chia xã hội thành ba tầng lớp dựa trên bản tính và chức năng, tâm hồn của mỗi

giai cấp một cách rõ ràng, gồm: tầng lớp lãnh đạo - các triết gia thông thái; tầng lớp chiến binh tham gia bảo vệ đất nước như binh lính quân đội, cảnh sát; tầng lớp lao động sản xuất và thương nhân, làm ra của cải vật chất để nuôi sống xã hội. *Sự phân chia giai tầng* được Platon xây dựng trên cơ sở học thuyết linh hồn của ông.

Theo Platon, linh hồn con người gồm ba phần: lý trí, lòng dũng cảm và bản năng hay dục vọng. Mỗi hạng người trong xã hội tương ứng với mỗi phần linh hồn chủ đạo. Nếu sự phân chia này bị đảo lộn hoặc có sự chòng chéo, thì xã hội sẽ rơi vào trạng thái bất ổn và có nguy cơ sụp đổ. Chẳng hạn, thương nhân thích hợp với hoạt động buôn bán, quân nhân phù hợp với chiến đấu bảo vệ đất nước, nhưng nếu cả hai tham gia vào hoạt động chính trị thì gây hậu quả nghiêm trọng. Platon cho rằng, *chính trị vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật, đòi hỏi nhiều đến sự tận tụy và học hỏi bền bỉ, kiên trì. Cho nên, chỉ có triết gia thông thái và nhân đạo mới thích hợp và đủ khả năng lãnh đạo đất nước.* Chính trị là công việc phức tạp liên quan đến con người. Bất cứ nền chính trị - xã hội nào cũng đều lấy con người làm nền tảng hay con người là “chất liệu cấu tạo triết lý chính trị” (Dẫn theo: W. Durant 2000: 39).

Quốc gia lý tưởng mà Platon nói đến là một nhà nước cộng sản triệt để, trong đó mọi cái đều là của chung; đó là nhà nước *không có tư hữu*. Tầng lớp quý tộc lãnh đạo xã hội cũng không được

*phép sở hữu tài sản, kể cả vợ con.* Theo Platon, chỉ có như vậy, họ mới tập trung cho việc mưu cầu lợi ích chung cho xã hội, đạt tới sự công bằng trong xã hội một cách tuyệt đối; khi đó họ mới được bảo đảm bởi các quân nhân và thương gia.

*Về vấn đề trật tự và an ninh xã hội,* Platon đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ chống thù trong, giặc ngoài. Theo ông, khó chống nhất là giặc bên trong, vì nó chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng xung đột, chia rẽ và thậm chí là tàn sát lẫn nhau giữa những người trong cùng một quốc gia. An ninh xã hội, theo Platon, phải được giao cho tầng lớp chiến binh, những người có tâm hồn dũng cảm, dám hy sinh vì nghĩa lớn. Chỉ có binh lính, cảnh sát mới có thể đảm bảo an ninh trật tự, để mọi người tuân thủ các quy định của pháp luật một cách nghiêm ngặt. Trong quốc gia lý tưởng mà Platon xây dựng, pháp luật được coi là tối thượng, vì “pháp luật là bất di bất dịch và chiếm vai trò hàng đầu” (Dẫn theo: W. Durant 2000: 149).

Ngoài pháp luật, để tạo lập công bằng cho xã hội, Platon còn chủ trương xã hội phải có đức tin vào một đấng tối cao. Cho dù đấng tối cao đó có thể không có thật nhưng vẫn có tác dụng kích thích tinh thần làm việc và tinh thần sẵn sàng chiến đấu vì lý tưởng công bằng cho xã hội của công dân. Hơn thế, đấng tối cao đó còn giữ vai trò kìm nén sự ích kỉ, dục vọng thái quá của con người, qua đó hướng họ phục vụ vì lợi ích của nhà nước.

*Về giáo dục, đào tạo*, theo Platon, để tạo lập sự công bằng trong xã hội, cần phải tăng cường vai trò của giáo dục nhằm đào tạo ra các công dân tương lai có đủ các phẩm chất đạo đức, tri thức cơ bản để làm người. Từ đó, việc lựa chọn và phân loại giáo dục cần được thực hiện một cách kỹ lưỡng và ngay từ khi trẻ còn nhỏ.

Theo Platon, trẻ em khi sinh ra cần phải được ưu tiên giáo dục văn hóa trước, sau đó mới đến giáo dục thể chất (Xem: Platon 2013: 189). Hơn nữa, đối với trẻ em mới lớn, ông cho rằng, cần phải đưa chúng về sống ở thôn quê, tách khỏi môi trường gia đình nhằm tránh những ảnh hưởng tiêu cực từ cha mẹ. Tất cả trẻ em đều phải được học đầy đủ các môn học cơ bản, trong đó tối thiểu ban đầu là thể dục và âm nhạc. Những trẻ có năng lực vượt trội sẽ tiếp tục được học toán học, nghệ thuật và đặc biệt là phép biện chứng. Suốt thời gian học sẽ có ba kỳ thi tuyển chọn, được tổ chức theo từng giai đoạn phát triển và phù hợp với năng lực nghề nghiệp tương lai của các công dân. Những ai không vượt qua kỳ thi đầu tiên, ở tuổi 20, sẽ được phân công làm lao động chân tay hay nông nghiệp hoặc thợ thủ công. Kỳ thi thứ hai diễn ra khi họ 30 tuổi, những người không đạt sẽ đảm nhận vai trò sĩ quan hoặc tham mưu trong quân đội. Những người ưu tú là những người vượt qua cả ba kỳ thi, sẽ tiếp tục được rèn luyện cho đến năm 40 tuổi, khi đạt đến độ chín muồi về đủ năng lực và trải nghiệm. Đó chính là tầng lớp tinh

hoa, những con người được lựa chọn kỹ lưỡng, rèn luyện toàn diện và sẵn sàng đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo quốc gia. Họ không được tư hữu tài sản và có vợ con riêng, toàn tâm toàn ý cống hiến cho lý tưởng xây dựng một nhà nước công bằng, phụng sự lợi ích chung của toàn xã hội.

Từ lý thuyết về linh hồn, Platon cho rằng con người khi sinh ra và lớn lên đã có tố chất bẩm sinh khác nhau và ngày càng bộc lộ rõ khi lớn lên, nên một người chỉ có thể học và làm một việc nhất định. Từ đó, ông chủ trương: người cầm quyền do “có chức năng là bảo vệ tự do cho thành quốc” nên “chỉ làm một nghề này và không làm bất cứ nghề gì không liên quan” và nhất thiết “không phải làm bất kể nghề gì bằng chân tay” và cũng không được sắm các vai diễn trái với bản chất tốt đẹp của mình (Xem: Platon 2013: 230).

Với *tầng lớp cầm quyền trong tương lai*, Platon yêu cầu, ngoài việc giáo dục triết học và toán học, còn phải giáo dục âm nhạc và giáo dục thể chất để tạo lập sự hài hòa giữa bốn phẩm chất: thông thái, dũng cảm, điều độ và công bằng.

Cụ thể, Platon cho rằng, *giáo dục âm nhạc* đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành một tâm hồn hài hòa, bởi “những người có tâm hồn hài hòa sẽ yêu quý điều tốt đẹp nhất”. Ông viết: “lời hay, nhạc hay, nhịp hay, điệu hay đều phụ thuộc vào bản chất tuyệt diệu của tâm hồn, không phải tình trạng ngớ ngẩn ngơ bối (chúng ta) lễ độ, uyển khúc gọi là thiếu vắng suy tư, mà là suy

tư chân thành, sâu lắng từ tâm hồn trong đó cái tốt, cái đẹp kết hợp với nhau” (Platon 2013: 242).

Platon cũng rất coi trọng *giáo dục nghệ thuật*. Theo ông, bởi nghệ thuật “thâm nhập sâu vào tâm hồn, nhịp và hòa điệu ảnh hưởng quyết liệt. Nếu tốt đẹp giáo dục sẽ đem tới và truyền gửi vẻ dịu dàng, nét ngoạn mục. Nếu xấu xa kết quả sẽ ngược lại” (Platon 2013: 243). Platon còn chủ trương *giáo dục tình yêu chân chính* cho thanh niên: “yêu chân thật là yêu cái đẹp để, cái tao nhã, cái điều độ”; “yêu chân thật không liên hệ với vui thú tình dục” (Xem: Platon 2013: 246). Quan niệm này rất gần với tâm lý học và lý thuyết tình yêu hiện đại, nhằm phân biệt với thú vật và người máy.

*Về vấn đề văn hóa ẩm thực*, Platon cũng chủ trương “cấm tuyệt đối say sưa rượu chè và ẩm thực cầu kỳ”, bởi vì “ẩm thực cầu kỳ sinh ra phóng dăng, thức ăn phức tạp sinh ra bệnh hoạn”, từ đó dẫn tới: “càng thịnh hành phóng dăng và bệnh hoạn trong cộng đồng càng mau dẫn tới thành lập tòa án mở cửa xử kiện, bệnh viện mở cửa chữa bệnh”; hậu quả là, “tầng lớp bình dân, lao động chân tay và cả thành phần vênh váo là có giáo dục, khai phóng cũng cần y sĩ giỏi, luật sư tài, đó là chứng cứ xác định ngoạn mục rằng giáo dục thành quốc đã suy đồi thảm bại” (Platon 2013: 251).

Platon đề cao tuyệt đối vai trò của giáo dục con người, vì cho rằng đó sẽ là tiền đề để nhà nước lý tưởng đạt tới xã hội công bằng một cách tự nhiên do đã

được chuẩn bị đầy đủ từ trước. Ông nói: “nếu giáo dục cẩn thận họ sẽ trở thành người có văn hóa. Nếu huấn luyện kỹ càng họ sẽ nhận thức sự việc dễ dàng, cả rất nhiều sự việc lúc này ngô bổi bỏ qua như lấy vợ, để con phải phù hợp với ngôn ngữ cổ xưa: của đồng xứ là của chung mọi người”, và “giáo dục tốt đẹp, huấn luyện tốt đẹp, nếu duy trì, sẽ sản sinh công dân bản tính tốt đẹp; Nếu bám chặt giáo dục, công dân bản tính tốt đẹp đến lượt sẽ sinh con để cái tốt đẹp hơn bản thân, và con cái đến lượt có khả năng để con sinh cái tốt đẹp hơn nữa... tóm lại về quốc (tức đẳng cấp cầm quyền) lo việc thành quốc phải gắn bó chặt chẽ với giáo dục, và phải canh chừng không để giáo dục suy đồi, tàn tạ và không hay; về quốc phải duy trì giáo dục như ưu tiên hàng đầu” (Platon 2013: 290).

*Về giáo dục y học*, Platon cũng có những chủ trương khá hợp lý. Với đội ngũ y học, theo ông, “cách tốt nhất cho bác sỹ nắm vững khả năng chuyên môn ấy là, người hiểu biết y khoa, cần tiếp xúc với cơ thể ốm đau trầm trọng càng sớm càng tốt, bản thân có kinh nghiệm với đủ loại bệnh trạng và bẩm sinh không khỏe mạnh lắm” (Platon 2013: 258). Hơn thế, ông còn căn dặn, đối với những căn bệnh không thể chữa được thì cái chết là hợp với lẽ tự nhiên (xem: Platon 2013: 258-259). Quan điểm này của ông vẫn còn mang tính thời sự trong xã hội hiện đại. Không phải ngẫu nhiên mà hiện nay trên thế giới tồn tại hai quan điểm trái ngược về vấn đề này: có quốc gia xử lý theo hướng đồng tình với cách

hiểu của Platon trong trường hợp những người mắc bệnh nan y; nhưng cũng có quốc gia khác phản bác, cho rằng điều đó là vô nhân đạo.

Về việc tuyển chọn các quan tòa, theo Platon, yếu tố quan trọng nhất là “tâm trí”. Ông cho rằng: “ngay từ lúc nhỏ đại tâm trí không nên nuôi dưỡng gần gũi và kết giao xấu xa, hoặc kinh qua hàng loạt xấu xa để có kinh nghiệm mới mẻ, rồi căn cứ vào đó để phán xét chớp nhoáng người khác như y sĩ làm với cơ thể con người. Trái lại, tâm trí phải, ngay từ lúc còn trẻ, ở trạng thái trong trắng, hoàn toàn không có kinh nghiệm hoặc tiếp xúc với xấu xa, nếu muốn bản thân tốt đẹp, phê phán thực sự đúng đắn” (Platon 2013: 259). Theo đó, tâm hồn của những người hành nghề liên quan đến lương tâm con người, khi thực thi công lý cần phải thực sự là *tờ giấy trắng* hay *tấm bảng sạch* chưa hề có một tỳ vết nào.

Với tầng lớp cầm quyền tương lai, Platon chủ trương không chỉ giáo dục toàn diện và đầy đủ ngay từ khi còn nhỏ, mà còn phải “theo dõi chặt chẽ từ thời thơ ấu, đưa cho họ việc khó khăn, chịu đựng cực nhọc để thử thách thái độ của họ, chọn người đã qua thử thách và loại bỏ số người không qua được thử thách” (Platon 2013: 269). Theo ông, những người “đã trải qua thử thách liên tục lúc thiếu thời, lúc thanh niên, lúc trưởng thành không quy gục, không hề hấn, không tỳ vết sẽ được trao quyền cai trị, quản lý thành quốc, sẽ được vinh danh khi tại thế, lúc qua đời đón nhận phần

thường cao quý trong hình thức mộ phần” (Platon 2013: 270). Chỉ có những con người như vậy mới thực sự toàn tâm toàn ý và hội tụ đầy đủ mọi phẩm chất cần thiết để thực thi công vụ nhà nước.

### **5. Giá trị và hạn chế trong tư tưởng của Platon về công bằng**

Tác phẩm *Cộng hòa* là sự gửi gắm tâm huyết của Platon về một mô hình nhà nước lý tưởng. Trong nhà nước lý tưởng này, người đứng đầu là một quân vương, đồng thời cũng là nhà triết học thông tuệ tri thức và giàu lòng nhân ái, biết hy sinh cho lý tưởng. Lý tưởng đó chính là thiết lập công bằng cho toàn xã hội.

Việc thiết lập công bằng cho toàn xã hội với tư cách là mục đích tối thượng của quốc gia như Platon đề xuất trong mô hình nhà nước lý tưởng thực sự là điều hiếm có, là ước mơ hàng bao đời nay của con người trên hành tinh này. Công bằng gắn liền với điều thiện, đức hạnh, đạo đức; mang lại nhiều lợi ích chung cho xã hội, tạo cơ hội cho mọi người được tự do, bình đẳng và phát huy năng lực của mình theo vị trí trong trật tự xã hội. Để mang lại sự công bằng cho toàn xã hội, Platon đã tiến hành phân tích một cách kỹ lưỡng những ưu điểm cũng như nhược điểm của các loại hình nhà nước đã từng tồn tại trong lịch sử. Từ đó, ông mạnh dạn đưa ra mô hình nhà nước lý tưởng với các thuộc tính cụ thể, được trình bày trong tác phẩm *Cộng hòa*, nhằm đem lại sự công bằng cho toàn xã hội.

Trong mô hình nhà nước lý tưởng,

Platon yêu cầu mọi công dân phải tuân thủ và thực hiện đúng chức trách và vai trò của mình theo đúng thứ bậc xã hội được phân công qua ba giai tầng. Ứng với mỗi giai tầng là một loại tâm hồn với các phẩm hạnh tương ứng, được ông phân loại rất tỉ mỉ. Các phẩm chất thông thái, dũng cảm, điều độ được phân bổ theo đúng thứ hạng giai cấp. Trong đó, quân vương – triết gia thông thái, có nhiệm vụ lãnh đạo và quản lý xã hội với đầy đủ các phẩm chất cao quý. Để đạt đến sự công bằng cho quốc gia, pháp luật được coi là quyền uy tối thượng mà mọi công dân đều phải tuân theo và triệt để thi hành, không phân biệt đẳng cấp. Đề cao tính nghiêm minh và công bằng của mọi công dân trước pháp luật trong tư tưởng của Platon thể hiện sự tương đồng với quan điểm về nhà nước pháp quyền hiện đại.

Platon không chỉ dừng lại ở việc xác lập quyền hạn, nhiệm vụ, phẩm hạnh của mỗi giai cấp, mà còn đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của giáo dục, đào tạo trong việc tạo ra các công dân tương lai phù hợp với chuẩn mực và vị trí xã hội đã định trước. Với đích đến là tạo ra những công dân tốt, có đủ đức, tài và có sức mạnh về thể chất và tâm hồn, nhằm hướng đến các giá trị Chân, Thiện, Mỹ. Theo ông, thông qua giáo dục, mỗi công dân sẽ được rèn luyện để thực hiện đúng chức trách của mình theo quy định của pháp luật. Tất cả những điều đó đều hướng tới mục tiêu xây dựng một nhà nước lý tưởng, trong đó công bằng cho xã hội là mục đích trung tâm.

Một nhà nước lý tưởng lấy công bằng làm mục đích hướng tới có lẽ không chỉ là mơ ước của riêng Platon. Theo ông, nguyên nhân sâu xa dẫn đến mọi sự bất bình đẳng, cản trở việc xây dựng nhà nước lý tưởng, đó chính là lợi ích cá nhân và lợi ích giai cấp. Quan điểm này mang tính chất duy vật và vẫn có giá trị trong bối cảnh thế giới đương đại.

Tuy nhiên, tư tưởng của Platon cũng bộc lộ những hạn chế nhất định khi đề xuất mô hình nhà nước lý tưởng dựa trên chế độ công hữu về tài sản, đặc biệt là việc tầng lớp lãnh đạo không được phép sở hữu tài sản và có gia đình riêng. Hơn thế, với nhãn quan của nhà triết học - nhà thông thái với trí tuệ cao siêu - dù có những nét hợp lý, song, Platon vẫn có xu hướng đề cao quá mức vai trò của nhà triết học trong mô hình nhà nước lý tưởng. Theo ông, người đứng đầu nhà nước phải là quân vương - triết gia, tức là một vị vua hiền triết (philosopher-kings). Chính sự lý tưởng hóa này phần nào thể hiện tính chủ quan trong tư duy của Platon, khiến chúng ta cảm nhận thấy một sự khiên cưỡng, thậm chí áp đặt, khi ông tuyệt đối hóa vai trò của triết gia - quân vương - nhà quản lý và cai trị xã hội lý tưởng và có phần xem nhẹ hoặc đánh giá thấp các tầng lớp khác trong xã hội. Đặc biệt, trong cách nhìn nhận về con người và xã hội, Platon dường như mặc định bản chất bẩm sinh của các giai tầng trong xã hội là bất biến, thể hiện khuynh hướng duy tâm và siêu hình, máy móc trong quan

niệm về cấu trúc xã hội và khả năng phát triển của con người.

Đây là những hạn chế mang tính lịch sử, gắn với bối cảnh thời đại bấy giờ, khi Platon nỗ lực ca ngợi và xây dựng nhà nước lý tưởng, làm mục đích hướng tới của xã hội đương thời.

## **6. Kết luận**

Qua hơn 2.400 năm, nhân loại vẫn không ngừng trăn trở tìm kiếm sự công bằng cho xã hội với nhiều thử nghiệm qua thực tiễn, song làm thế nào đem lại sự công bằng cho xã hội loài người vẫn là câu hỏi chưa có đáp án hoàn hảo. Có lẽ câu trả lời sẽ tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia qua từng thời điểm lịch sử khác nhau. Có thể mô hình nhà nước lý tưởng của Platon, qua soi chiếu của lịch sử, sẽ còn nhiều khiếm khuyết, như việc phủ nhận quyền tư hữu tài sản, gia đình và con cái đối với nhà lãnh đạo, hay sự bất biến trong tâm hồn của các giai cấp cũng như vai trò của họ, hay việc xem nhẹ vai trò của nhận thức cảm tính,...; song, những phẩm chất mà Platon yêu cầu ở người quân vương thông tuệ và cách thức đào tạo con người một cách toàn diện để tạo ra sự công bằng cho xã hội, cùng những vấn đề khác, vẫn sẽ là những gợi ý có giá trị để các nhà lãnh đạo tham khảo trong quá trình lãnh đạo đất nước. Dù mô hình nhà nước lý tưởng của Platon chưa từng được áp dụng trên thực tế, song những ý tưởng sắc sảo và đầy thú vị của Platon vẫn xứng đáng để các chính trị gia suy ngẫm và thử nghiệm. Tác phẩm *Cộng hòa* vẫn sẽ là cuốn sách gối đầu giường

của các nhà tư tưởng và chính khách, giúp họ suy ngẫm và tham chiếu trong việc tìm kiếm các giải pháp cho những vấn đề căn bản của xã hội.

Ngày nay, vấn đề công bằng tuy không còn mới mẻ, nhưng cũng chưa bao giờ trở nên lỗi thời. Nó vẫn luôn đòi hỏi nhân loại tiếp tục suy ngẫm, học hỏi và phát triển từ những quan niệm, lý thuyết và thực tiễn đã có trong lịch sử. Vấn đề này tiếp tục thu hút sự quan tâm trong bối cảnh sự bất công vẫn đang diễn ra trên hành tinh này với nhiều cấp độ, sắc thái và quy mô khác nhau, không chỉ giữa các quốc gia, dân tộc, mà ngay cả trong nội bộ từng quốc gia, dân tộc. Công bằng vẫn là mục tiêu cốt lõi, đích nhắm mà các nguyên thủ quốc gia hướng tới nhằm mang lại sự phát triển bền vững cho toàn cầu nói chung và cho từng quốc gia nói riêng; là mong mỏi lớn lao của mọi xã hội.

## **Tài liệu trích dẫn**

1. Aristoteles. 1996. *Đạo đức học của Nicomque*. Đức Hình dịch. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

2. Aristoteles. 2008. *Chính trị luận*. Nông Duy Trường dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

3. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn. 2006. *Đại cương lịch sử triết học phương Tây*. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

4. W. Durant. 2000. *Câu chuyện triết học*. Tý Hào và Bửu Đích dịch. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.

5. Platon. 2013. *Cộng hòa*. Đỗ Khánh Hoan dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.